

**ĐỀ CƯƠNG ÔN TẬP MÔN TIẾNG ANH LỚP 4  
 HỌC KÌ II NĂM HỌC 2019-2020**

**I. TỪ VỰNG**

Từ vựng theo các chủ điểm sau: thời gian, đồ ăn, ngày tháng, động từ, tính từ, các loài vật, nghề nghiệp.

**II. NGỮ PHÁP**

**Unit 11: What time is it?**

What time is it?/ What time do you....?  
 It's + (time)/ I .....at (time)

**Unit 12: What does your father do?**

- What does your.... do? - She's/ he's...  
 - Where does she/he work? - She/ he works...

**Unit 13: Would you like some milk?**

- What's your favourite food? - It's...  
 - Would you like some.....? – Yes, please

**Unit 14: What does he look like?**

- What does he/she look like? - She's/ he's...  
 - Who's+ (comparative)? - ...is (comparative)

**Unit 15: When's the Children's Day?**

- When's + (festival)? - It's on the...  
 - What do you do at/on (festival) ? - I .....

**Unit 16: Let's go to the bookshop?**

Let's go to the..../ - Great idea/ Sorry, I can't  
 Why do you want to go to the ...? - Because I..

**Unit 17: How much is the T- shirt?**

- How much is the....? - It's.....  
 - How much are the...? - They are.....

**Unit 18: What's your phone number?**

- What's your phone number? - It's ...  
 - Would you like to...? - I'd love to.

**Unit 19: What animal do you want to see?**

-What animal do you want to see? - I want....  
 - I like....because..../ I don't like....because...

**Unit 20: What are you going to do this summer?**

What are you going to do this summer?/ - I.....

**III. THỜI G IAN KIỂM TRA ĐỊNH KÌ**

Buổi	Tiết	Hai (15/6)	Ba (16/4)	Tư (17/4)	Năm (18/4)	Sáu (19/4)
Sáng	1					
	2					
	3					
	4					
Chiều	5					
	6					
	7				4a1- 4a2 - 4a3	4a4 - 4a5 - 4a6
	8					